

HỢP TÁC VIỆT NAM - LIÊN BANG NGA TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG VIỄN ĐÔNG: THỰC TRẠNG VÀ TRIỂN VỌNG

VIETNAM - RUSSIAN FEDERATION ECONOMIC COOPERATION WITHIN THE DEVELOPMENT STRATEGY OF THE RUSSIAN FAR EAST: CURRENT DYNAMICS AND FUTURE PROSPECTS

Đỗ Thị Xuân Hiền*, Lê Thị Phương Thanh

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam¹

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: minoxuan51@gmail.com

(Nhận bài / Received: 01/03/2026; Sửa bài / Revised: 29/03/2026; Chấp nhận đăng / Accepted: 11/4/2026)

DOI: 10.31130/ud-jst.2026.24(5C).300

Tóm tắt - Nghiên cứu đánh giá triển vọng hợp tác giữa Việt Nam và Liên bang Nga trong khuôn khổ chiến lược phát triển kinh tế vùng Viễn Đông. Vận dụng lý thuyết về đối tác chiến lược và hội nhập quốc tế, tác giả sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp tài liệu kết hợp nghiên cứu trường hợp để làm rõ động lực cũng như thực trạng hợp tác song phương. Nội dung trọng tâm tập trung vào các lĩnh vực: năng lượng, thương mại, nông nghiệp, khoa học công nghệ và logistics. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, trong bối cảnh chuỗi cung ứng dịch chuyển và cạnh tranh địa chính trị gay gắt, hiệu quả hợp tác sẽ phụ thuộc chặt chẽ vào thể chế, môi trường đầu tư và khả năng thích ứng với các cơ chế hợp tác khu vực. Từ đó, nghiên cứu đề xuất các hàm ý chính sách thiết thực nhằm tối ưu hóa tiềm năng, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và cùng có lợi cho cả hai quốc gia.

Từ khóa - Vùng Viễn Đông; quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga; hợp tác kinh tế quốc tế; quan hệ đối tác chiến lược toàn diện; chính sách hướng Đông

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh trật tự thế giới đang có những điều chỉnh sâu sắc sau xung đột Nga - Ukraine và sự cạnh tranh chiến lược nước lớn gia tăng tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Nga đã và đang đẩy mạnh chiến lược "Hướng Đông" (Pivot to the East) một cách quyết liệt, nhằm tái cân bằng quan hệ kinh tế - chính trị, khai thác tiềm năng to lớn của vùng Viễn Đông - khu vực giàu tài nguyên bậc nhất được coi là "kho báu chiến lược" của nước Nga, đồng thời thúc đẩy hội nhập của Moscow vào các chuỗi giá trị năng động của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương [1].

Vùng Viễn Đông của Nga, với hạt nhân là Vladivostok, tuy giàu tài nguyên nhưng bị kìm hãm bởi các hạn chế cấu trúc như dân số thưa thớt, hạ tầng chưa phát triển và thiếu hụt vốn, công nghệ,... Chính vì vậy, Moscow buộc phải theo đuổi chiến lược mở cửa, đẩy mạnh thu hút đầu tư và tăng cường liên kết với các nền kinh tế Châu Á nhằm hiện thực hóa tiềm năng phát triển của khu vực.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam - với tư cách là Đối tác chiến lược toàn diện duy nhất của Nga tại khu vực Đông Nam Á và là thành viên tích cực của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), nổi lên như một mắt xích quan

Abstract - This study evaluates the prospects for cooperation between Vietnam and the Russian Federation within the framework of the Far East economic development strategy. Drawing upon theories of strategic partnership and international economic integration, the author employs a synthesis of document analysis and case studies to elucidate the drivers and current status of bilateral engagement. The core research focuses on key sectors, including energy, trade, agriculture, science and technology, and logistics. The findings indicate that, amidst shifting global supply chains and intensifying geopolitical competition, the efficacy of this partnership increasingly depends on institutional frameworks, the investment climate, and the ability to align with regional cooperation mechanisms. Consequently, the study proposes practical policy implications aimed at optimizing potential and fostering sustainable, mutually beneficial development for both nations.

Key words - Russian Far East; Vietnam - Russia relations; international economic cooperation; comprehensive strategic partnership; the Eastern - oriented policy

trọng trong chính sách hướng Đông của Nga. Việt Nam có nhu cầu lớn về năng lượng, tài nguyên và công nghệ; Nga có thế mạnh về các lĩnh vực này. Ngược lại, Việt Nam có thể cung cấp hàng tiêu dùng, nông sản chất lượng cao và đóng vai trò là cửa ngõ để hàng hóa Nga thâm nhập thị trường ASEAN thông qua Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á - Âu (FTA Việt Nam - EAEU).

Bên cạnh những thành tựu bước đầu trong lĩnh vực năng lượng và nông nghiệp, vẫn còn tồn tại nhiều rào cản về thể chế thanh toán, chi phí logistics, thủ tục hành chính và khoảng cách thông tin. Do đó, việc nghiên cứu một cách có hệ thống về triển vọng hợp tác Việt - Nga trong chiến lược phát triển kinh tế vùng Viễn Đông là hết sức cần thiết.

Bài viết tập trung trả lời các câu hỏi nghiên cứu chính sau đây: (1) Bối cảnh, cơ sở và động lực nào đang thúc đẩy hợp tác kinh tế Việt Nam - Liên bang Nga tại vùng Viễn Đông trong khuôn khổ chiến lược phát triển khu vực này đến năm 2030? (2) Thực trạng hợp tác kinh tế Việt Nam - Liên bang Nga tại vùng Viễn Đông trong các lĩnh vực then chốt giai đoạn 2022-2026 diễn ra như thế nào? (3) Những thời cơ, thuận lợi và thách thức chủ yếu nào đang tác động

¹ The University of Danang - University of Foreign Language Studies, Vietnam (Do Thi Xuan Hien, Le Thi Phuong Thanh)

đến hiệu quả và triển vọng hợp tác song phương tại khu vực này? (4) Triển vọng hợp tác trong thời gian tới ra sao và cần những hàm ý chính sách, giải pháp nào để thúc đẩy hợp tác theo hướng bền vững và cùng có lợi?

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khung lý thuyết

Nghiên cứu tiếp cận hợp tác kinh tế Việt Nam - Liên bang Nga tại vùng Viễn Đông trong một khung phân tích kết hợp lý thuyết quan hệ đối tác chiến lược (Strategic Partnership Theory), thể chế học (Institutionalism) và chuỗi giá trị toàn cầu (Global Value Chains - GVCs). Cách tiếp cận này cho phép giải thích không chỉ chiến lược của hợp tác, mà còn hội nhập kinh tế quốc tế và cấu trúc kinh tế chi phối mức độ hiện thực hóa hợp tác trong thực tiễn.

Quan hệ đối tác chiến lược

Theo lý thuyết quan hệ đối tác chiến lược, hợp tác song phương bền vững không chỉ dựa trên lợi ích kinh tế ngắn hạn mà còn được định hình bởi mục tiêu chiến lược dài hạn, mức độ tin cậy chính trị và mức độ thể chế hóa quan hệ [2]. Trong khung phân tích này, mức độ gắn kết chiến lược giữa hai quốc gia được xem là biến nền tảng (structural independent variable), tạo điều kiện cho việc mở rộng hợp tác kinh tế.

Biến phân tích thứ nhất được xác định là:

X1 - Mức độ thể chế hóa quan hệ đối tác chiến lược, được biểu hiện qua:

- Số lượng và cấp độ các hiệp định song phương;
- Cơ chế đối thoại cấp cao thường kỳ;
- Các cam kết dài hạn trong lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp, quốc phòng - kỹ thuật.

Giả định lý thuyết đặt ra rằng:

Mức độ thể chế hóa quan hệ chiến lược càng cao thì chi phí rủi ro chính trị càng giảm, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác kinh tế thực chất.

Thể chế kinh tế như cơ chế trung gian

Trên cơ sở lý thuyết thể chế của Douglass North, các quy tắc chính thức như hiệp định thương mại tự do (FTA Việt Nam - EAEU), các cơ chế ưu đãi của Nga đối với vùng Viễn Đông (Khu ưu tiên phát triển (TOR) và Cảng tự do Vladivostok (SPV) và các thỏa thuận liên chính phủ được xem là cơ chế thúc đẩy định hình hành vi của doanh nghiệp và nhà đầu tư [3].

Trong khung phân tích này, thể chế đóng vai trò biến trung gian (mediating variable):

X2 - Mức độ thuận lợi thể chế, được đo lường thông qua:

- Mức cắt giảm thuế quan;
- Chính sách ưu đãi đầu tư;
- Cơ chế bảo hộ pháp lý và giải quyết tranh chấp;
- Thủ tục hành chính và chi phí giao dịch.

Cơ chế tác động được giả định như sau:

Thể chế thuận lợi → Giảm chi phí giao dịch và bất định → Tăng động lực đầu tư và thương mại.

Cấu trúc lợi thế so sánh và vị trí trong chuỗi giá trị

Kế thừa lý thuyết lợi thế so sánh (Ricardo) và mở rộng theo hướng chuỗi giá trị toàn cầu [4], nghiên cứu cho rằng sự hỗ trợ nguồn lực giữa Nga và Việt Nam chỉ tạo ra hợp tác bền vững khi được tích hợp vào chuỗi giá trị khu vực hoặc liên khu vực.

Trong khung phân tích này:

X3 - Mức độ hỗ trợ lợi thế và khả năng tham gia chuỗi giá trị, bao gồm:

- Tính bổ sung về tài nguyên và lao động;
- Khả năng chế biến sâu và gia tăng giá trị;
- Mức độ liên kết doanh nghiệp hai nước trong cùng một chuỗi sản xuất.

Giả định đặt ra rằng:

Sự hỗ trợ lợi thế chỉ chuyển hóa thành hợp tác thực chất khi hai bên tham gia vào các khâu có giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi giá trị, thay vì chỉ trao đổi nguyên liệu thô.

Biến phụ thuộc: Mức độ hợp tác kinh tế thực chất

Biến phụ thuộc của nghiên cứu là:

Y - Mức độ hợp tác kinh tế thực chất Việt Nam - Liên bang Nga tại vùng Viễn Đông, được đánh giá thông qua:

- Kim ngạch thương mại song phương liên quan đến vùng Viễn Đông;
- Quy mô và số lượng dự án FDI;
- Mức độ đa dạng hóa lĩnh vực hợp tác;
- Tính ổn định và bền vững của các dự án.

Mô hình phân tích tổng hợp

Từ các luận điểm trên, nghiên cứu đề xuất mô hình lý thuyết như sau:

Mức độ thể chế hóa quan hệ đối tác chiến lược (X1)

→ tác động đến → Mức độ thuận lợi thể chế (X2);

→ kết hợp với → Mức độ hỗ trợ lợi thế và khả năng tham gia chuỗi giá trị (X3);

→ quyết định → Mức độ hợp tác kinh tế thực chất Việt Nam - Liên bang Nga tại vùng Viễn Đông (Y).

Mô hình này cho phép giải thích vì sao dù quan hệ chính trị ở cấp độ cao, hợp tác kinh tế vẫn có thể chưa đạt kỳ vọng nếu thiếu điều kiện thể chế phù hợp hoặc không được tích hợp vào cấu trúc chuỗi giá trị.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích - tổng hợp tài liệu: Nghiên cứu tiến hành thu thập, hệ thống hóa và phân tích các nguồn tài liệu từ sơ cấp đến thứ cấp đa dạng, bao gồm: (i) các văn kiện, tuyên bố chung cấp cao, hiệp định song phương giữa Việt Nam - Liên bang Nga; (ii) các giáo trình, công trình nghiên cứu về quan hệ quốc tế, kinh tế đối ngoại và khu vực học; (iii) các báo cáo chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng Viễn Đông của Nga; (iv) dữ liệu, bài phân tích từ các cơ quan thông tấn báo chí uy tín của Việt Nam và Nga (như TASS, RIA Novosti, Báo Nhân Dân, Thông tấn xã Việt Nam) trong giai đoạn 2022-2026.

Phương pháp nghiên cứu trường hợp (Case study): Bài viết đi sâu phân tích một số dự án hợp tác điển hình tại

vùng Viễn Đông, như dự án năng lượng giữa Petrovietnam và Zarubezhneft, dự án chế biến sữa của Tập đoàn TH True Milk tại Vùng Primorye. Việc phân tích này nhằm làm rõ các yếu tố thành công, cũng như những khó khăn vướng mắc trong thực tiễn triển khai.

Phương pháp tiếp cận liên ngành: Nghiên cứu kết hợp kiến thức của khoa học chính trị (quan hệ quốc tế), kinh tế học (kinh tế quốc tế, đầu tư) và luật học (luật quốc tế) để có cái nhìn toàn diện và đa chiều về vấn đề.

3. Cơ sở thúc đẩy hợp tác Việt Nam - Liên bang Nga trong Chiến lược phát triển kinh tế vùng Viễn Đông

Chiến lược "Hướng Đông" của Nga, đặc biệt được thúc đẩy mạnh mẽ từ sau cuộc khủng hoảng Ukraine năm 2014 và gia tăng từ năm 2022 không chỉ là một sự điều chỉnh mang tính đối phó nhất thời. Nó phản ánh một tầm nhìn dài hạn của giới lãnh đạo Nga về sự dịch chuyển trung tâm quyền lực kinh tế thế giới về phía Đông và nhu cầu cấp thiết phải phát triển các vùng lãnh thổ rộng lớn ở Siberia và Viễn Đông [5]. Diễn đàn Kinh tế Phương Đông (Eastern Economic Forum - EEF) thường niên được tổ chức tại Vladivostok đã trở thành kênh đối thoại chính sách và kết nối đầu tư quan trọng, nơi các thỏa thuận hợp tác chiến lược thường xuyên được ký kết. Phiên họp thứ X của EEF diễn ra vào tháng 9/2025 với chủ đề xuyên suốt "Hợp tác vì hòa bình và thịnh vượng" đã thu hút hơn 4.500 đại biểu từ hơn 70 quốc gia, một lần nữa khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của khu vực này trong chính sách đối ngoại của Nga [6]. Để hiện thực hóa chiến lược, Moscow đã triển khai hàng loạt cơ chế ưu đãi đặc biệt nhằm biến vùng Viễn Đông thành một trung tâm kinh tế mới và cửa ngõ giao thương quốc tế. Trong cuộc gặp với phái đoàn doanh nghiệp Việt Nam tại Moscow vào tháng 01/2026, Tổng công ty Phát triển Viễn Đông và Bắc Cực (KRDV) đã giới thiệu chi tiết về các điều kiện ưu đãi tại các TOR và SPV bao gồm ưu đãi về thuế, hỗ trợ cơ sở hạ tầng, đất đai và thủ tục hải quan [7]. Trong tổng thể chính sách hướng Đông, Việt Nam được Nga xác định là một trong những đối tác quan trọng hàng đầu. Sự ưu tiên này xuất phát từ nhiều lý do:

Thứ nhất, nền tảng quan hệ chính trị - chiến lược vững chắc. Quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện được xây dựng trên nền tảng lịch sử 75 năm, sự tin cậy và tôn trọng lẫn nhau, tạo cơ sở chính trị thuận lợi để mở rộng hợp tác kinh tế. Trong cuộc điện đàm tháng 01/2026, Tổng thống Vladimir Putin và Tổng Bí thư Tô Lâm một lần nữa khẳng định cam kết tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện trên mọi lĩnh vực [2].

Thứ hai, vai trò cầu nối của Việt Nam. Với 17 Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) đã ký kết, bao gồm FTA với Liên minh Kinh tế Á - Âu (EAEU), Việt Nam không chỉ là một thị trường tiêu thụ mà còn là cửa ngõ để hàng hóa Nga tiếp cận thị trường ASEAN và các khu vực khác trên thế giới.

Thứ ba, sự bổ trợ lẫn nhau về kinh tế. Nga có thế mạnh về năng lượng, tài nguyên, công nghệ, trong khi Việt Nam có nhu cầu lớn về các nguồn lực này. Ngược lại, Việt Nam có thế mạnh về nông nghiệp, hàng tiêu dùng, thực phẩm chế biến và nguồn nhân lực, có thể đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường Viễn Đông. Đại sứ Liên bang Nga tại Việt Nam Gennady Bezdetko nhấn mạnh rằng, bên cạnh

các lĩnh vực truyền thống, doanh nghiệp hai nước đang hướng tới hợp tác trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông, nơi Nga có thế mạnh về hệ sinh thái số, công nghệ thành phố thông minh và an ninh mạng [8].

Thứ tư, kinh nghiệm hợp tác thực tiễn. Các dự án hợp tác dầu khí lâu dài như Liên doanh Vietsovpetro tại Việt Nam và Rusvietpetro tại Nga là những hình mẫu thành công, tạo tiền đề và niềm tin cho các dự án mới tại Viễn Đông [9].

4. Thực trạng hợp tác Việt Nam - Liên bang Nga tại vùng Viễn Đông

4.1. Hợp tác năng lượng

Năng lượng tiếp tục là trụ cột chiến lược trong quan hệ hợp tác Việt - Nga tại Viễn Đông. Tháng 12/2023 Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà đã có cuộc hội đàm với Tổng Giám đốc Sergey Kudryashov của Tập đoàn Dầu khí Nga Zarubezhneft JSC tại Hà Nội. Phó Thủ tướng khẳng định Việt Nam luôn coi trọng quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện với Nga, đồng thời chỉ đạo các bộ, ngành tập trung tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện mở rộng các dự án hợp tác giữa Zarubezhneft và các đối tác Việt Nam. Tại Diễn đàn Kinh tế Phương Đông lần thứ X diễn ra tại Vladivostok vào tháng 9/2025, tập đoàn Zarubezhneft của Nga và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam) đã ký kết thỏa thuận về các dự án bổ sung trên lãnh thổ của nhau [10]. Bộ trưởng Năng lượng Nga Sergey Tsilyev thông báo hai bên đã thống nhất các dự án mới, trong đó Petrovietnam sẽ tham gia vào các dự án tại Nga và ngược lại, Zarubezhneft sẽ mở rộng hoạt động tại thêm lục địa Việt Nam.

Điểm đáng chú ý là thời hạn hoàn tất các thủ tục pháp lý được ấn định rất cụ thể. Bộ trưởng Tsilyev bày tỏ hy vọng rằng trong vòng hai tháng, các văn bản quy phạm sẽ được hoàn thiện để từ ngày 01/01/2026, các công việc bổ sung có thể bắt đầu [11]. Các thông tin chi tiết cho thấy rằng Petrovietnam có thể nhận 35% cổ phần trong dự án phát triển mỏ Kharyaga, đồng thời thời hạn của Hiệp định phân chia sản phẩm (PSA) đối với mỏ này sẽ được gia hạn từ cuối năm 2031 đến cuối năm 2050. Về phía Nga, Zarubezhneft có thể nhận 49% cổ phần trong PSA đối với các lô 01/17 và 02/17 trên thềm lục địa Việt Nam. Toàn bộ các thủ tục phân chia cổ phần dự kiến hoàn tất vào năm 2027 [12].

4.2. Thương mại song phương

Thương mại hai chiều Việt Nam - Liên bang Nga đang có những chuyển biến tích cực. Trong 5 tháng đầu năm 2025, Việt Nam đã xuất khẩu sang Nga gần 1,4 tỷ USD hàng hóa, trong khi nhập khẩu từ Nga đạt 845,6 triệu USD, khiến Việt Nam xuất siêu 524,9 triệu USD [13].

Về cơ cấu hàng hóa, Việt Nam xuất khẩu sang Nga chủ yếu là điện thoại và linh kiện, máy vi tính, sản phẩm điện tử, dệt may, giày dép, cà phê, rau quả. Nga xuất khẩu sang Việt Nam chủ yếu là các mặt hàng nguyên liệu, nổi bật là than đá các loại đạt 202,6 triệu USD và sắt thép các loại đạt 160,3 triệu USD.

Đáng chú ý, Nga đã vươn lên vị trí thứ nhất về xuất khẩu thịt lợn sang Việt Nam trong nửa đầu năm 2025, với 52.600 tấn, trị giá 103,4 triệu USD. Thành công này có

được nhờ việc hai bên đã hoàn tất thủ tục chứng nhận thú y cho thịt bò, thịt gà và các sản phẩm phụ, cũng như cho thịt lợn, cá và sản phẩm sữa, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vùng Viễn Đông tham gia xuất khẩu [13].

4.3. Hợp tác khoa học - công nghệ

Tháng 12/2025, tại Moscow đã diễn ra một sự kiện có ý nghĩa lịch sử trong quan hệ hợp tác khoa học giữa hai nước. Trong khuôn khổ Diễn đàn Khoa học - Giáo dục "Nga - Việt Nam: 75 năm hợp tác", Bộ Khoa học và Giáo dục Đại học Nga, Viện Hàn lâm Khoa học Nga - Chi nhánh Viễn Đông (FEB RAS) và Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đã ký kết lộ trình hợp tác nghiên cứu khoa học biên giai đoạn 2026-2035[14].

Lộ trình này được ký kết nhân dịp kỷ niệm 75 năm thiết lập quan hệ ngoại giao và chính thức khởi động Năm hợp tác khoa học - giáo dục Nga - Việt Nam 2026. Phó Viện trưởng Viện Hàn lâm Khoa học Nga, Chủ tịch FEB RAS, Viện sĩ Yury Kulchin đã điều phối phiên thảo luận về "Hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu thủy văn, sinh vật biển và sinh thái nhiệt đới", mở ra triển vọng hợp tác lâu dài trong nghiên cứu đại dương, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu - những vấn đề mà cả Việt Nam và vùng Viễn Đông của Nga đều đặc biệt quan tâm.

4.4. Liên kết doanh nghiệp và xúc tiến đầu tư

Hoạt động xúc tiến đầu tư và kết nối doanh nghiệp diễn ra sôi động. Tháng 01/2026, đoàn doanh nghiệp Việt Nam đã có chuyến công tác tại Moscow, làm việc trực tiếp với KRDV về cơ hội đầu tư tại Viễn Đông. Các đại diện Việt Nam bày tỏ quan tâm đến các dự án trong lĩnh vực xây dựng, chế biến gỗ và du lịch [14]. Trước đó, vào tháng 02/2025, hơn 100 doanh nghiệp Việt Nam đã tham gia hội nghị trực tuyến kết nối kinh doanh với các đối tác Moscow, do Trung tâm Xuất khẩu Moscow phối hợp với Bộ Công thương Nga và Thương vụ Nga tại Việt Nam tổ chức. Hai mươi doanh nghiệp Moscow trong các lĩnh vực y tế, công nghệ thông tin, thực phẩm, xây dựng, máy móc thiết bị đã giới thiệu sản phẩm tới các đối tác tiềm năng Việt Nam. Các lĩnh vực xuất khẩu tiềm năng của Nga sang Việt Nam được xác định là gỗ, được phẩm, thịt, sữa, cá, và ngũ cốc.

Dự án đầu tư nổi bật nhất của Việt Nam tại Viễn Đông là nhà máy chế biến sữa của Tập đoàn TH True Milk tại Khu ưu tiên phát triển Mikhailovsky thuộc Vùng Primorye, khởi công vào mùa xuân năm 2024. Đây là minh chứng sống động cho sự quan tâm và quyết tâm của các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư bài bản, lâu dài vào thị trường Nga, tận dụng các ưu đãi đặc biệt tại Viễn Đông [15].

Vận dụng khung phân tích kết hợp giữa lý thuyết đối tác chiến lược, thể chế học và chuỗi giá trị toàn cầu, thực trạng hợp tác Việt Nam - Liên bang Nga tại vùng Viễn Đông cho thấy một bức tranh đan xen: tâm chiến lược được củng cố qua các dự án năng lượng có sự phân chia rõ ràng (Petrovietnam 35% tại mỏ Kharyaga, Zarubezhneft 49% tại lô 01/17 và 02/17), nhưng hiệu quả hiện thực hóa lại phụ thuộc vào các thể chế mang tính ràng buộc cao như thời hạn hoàn tất thủ tục trước 01/01/2026 hay việc gia hạn Hiệp định phân chia sản phẩm đến 2050. Trong khi đó, cấu trúc thương mại song phương (Việt Nam xuất khẩu hàng

chế tác, Nga cung cấp nguyên liệu và nông sản) vẫn phản ánh mô hình bổ sung truyền thống, chưa thể hiện sự tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Hợp tác hiện nay đã tạo được nền tảng chiến lược và thể chế vững chắc, song thách thức cốt lõi là làm sao vượt qua ranh giới của sự phân công lao động đơn giản để hướng tới liên kết trong các ngành có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao hơn.

5. Cơ hội và thách thức

Những chuyển biến sâu sắc của môi trường địa chính trị và quá trình tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu không chỉ định hình lại không gian hợp tác kinh tế quốc tế, mà còn đặt ra những cơ hội mang tính bước ngoặt đối với quan hệ song phương. Trong bối cảnh đó, các động lực chủ yếu, vừa phản ánh lợi thế so sánh vốn có vừa được củng cố bởi những điều chỉnh thể chế đáng kể từ phía Nga, đang tạo nền tảng cho triển vọng hợp tác giữa Việt Nam và Liên bang Nga tại vùng Viễn Đông.

Thứ nhất, nhu cầu đa dạng hóa đối tác kinh tế của Nga tạo ra dư địa lớn cho hàng hóa Việt Nam. Dưới tác động của các biện pháp trừng phạt từ phương Tây và xu hướng tái định hướng chiến lược sang Châu Á - Thái Bình Dương, Nga đang đẩy mạnh tìm kiếm các nguồn cung thay thế cho thị trường truyền thống. Với lợi thế so sánh về nông sản, thực phẩm chế biến và hàng tiêu dùng, Việt Nam có khả năng thâm nhập thị trường Nga thông qua "cửa ngõ" Viễn Đông, phù hợp với luận giải của lý thuyết lợi thế so sánh khi mỗi bên tập trung khai thác thế mạnh riêng [16].

Thứ hai, hệ thống ưu đãi đầu tư đặc biệt tại vùng Viễn Đông tạo ra động lực định vị mạnh mẽ cho các nhà đầu tư nước ngoài. Các cơ chế như Khu ưu tiên phát triển (TOR) và Cảng tự do Vladivostok (SPV) cung cấp các ưu đãi vượt trội về thuế, đất đai và hỗ trợ tài chính. Trường hợp Tập đoàn TH True Milk được hỗ trợ hoàn trả 30% tổng giá trị đầu tư là minh chứng thực tiễn cho mức độ hấp dẫn của các ưu đãi này [17]. Từ góc nhìn của lý thuyết thể chế, những ưu đãi này đóng vai trò giảm chi phí giao dịch và khuyến khích dòng vốn đầu tư.

Thứ ba, vai trò trung tâm kết nối của Việt Nam trong mạng lưới sản xuất và logistics khu vực mở ra triển vọng hình thành các liên kết chuỗi giá trị xuyên biên giới. Việt Nam có thể đóng vai trò là mắt xích kết nối, trong đó Nga cung cấp nguyên liệu đầu vào cho sản xuất tại Việt Nam, và sản phẩm hoàn thiện được xuất khẩu ngược lại Nga hoặc sang nước thứ ba. Đây là biểu hiện cụ thể của sự tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu (GVCs) - một xu thế tất yếu trong bối cảnh tái cấu trúc kinh tế thế giới.

Thứ tư, sự mở rộng sang các lĩnh vực hợp tác hàm lượng công nghệ cao phản ánh xu hướng làm sâu sắc nội hàm quan hệ đối tác chiến lược. Bên cạnh các lĩnh vực truyền thống như năng lượng và thương mại hàng hóa, hợp tác khoa học - công nghệ đang có bước tiến quan trọng với lộ trình nghiên cứu biên giai đoạn 2026-2035, cùng với tiềm năng hợp tác trong công nghệ thông tin và chuyển đổi số [18]. Sự dịch chuyển này góp phần mở rộng chiều rộng và chiều sâu của quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện.

Bên cạnh những cơ hội, vẫn còn tồn tại những rào cản không nhỏ kìm hãm sự phát triển của quan hệ hợp tác:

Thứ nhất, rào cản về thanh toán. Kể từ năm 2022, Liên minh Châu Âu (EU), Hoa Kỳ và Vương quốc Anh đã phối hợp áp đặt nhiều gói trừng phạt tài chính nhằm vào hệ thống ngân hàng và thương mại của Nga. Các biện pháp này bao gồm việc loại một số ngân hàng Nga khỏi hệ thống thanh toán SWIFT và phong tỏa tài sản của các tập đoàn năng lượng lớn, khiến việc thanh toán qua hệ thống ngân hàng quốc tế truyền thống gặp nhiều khó khăn. Chính vì vậy, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã nhấn mạnh sự cần thiết phải tìm kiếm các phương thức thanh toán mới trong cuộc gặp với Phó Thủ tướng Nga Alexei Overchuk. Hai bên đang xem xét khả năng sử dụng tiền kỹ thuật số (cryptocurrency) cho các giao dịch song phương [19].

Thứ hai, chi phí logistics. Mặc dù tuyến vận tải biển trực tiếp giữa Vladivostok và các cảng của Việt Nam đã được khôi phục từ năm 2022, chi phí logistics trên hành lang này vẫn duy trì ở mức cao. Cước vận chuyển đối với container 40 feet từ Việt Nam đến Vladivostok dao động trong khoảng 2.500-2.700 USD - cao hơn đáng kể so với nhiều tuyến nội Á - trong đó riêng chi phí vận tải chiếm tới 58-75% tổng chi phí logistics. Ngoài ra, cấu trúc vận tải đa phương thức của chuỗi cung ứng này, kết hợp giữa vận tải biển và tuyến đường sắt xuyên Siberia, tiếp tục làm gia tăng chi phí trung chuyển, đẩy tổng chi phí chuỗi cung ứng lên mức cao hơn [19]. Hơn nữa, phần lớn hàng hóa sau khi cập cảng Vladivostok vẫn phải tiếp tục vận chuyển đến các trung tâm kinh tế trọng yếu như Moscow, làm kéo dài thời gian vận chuyển và tăng chi phí logistics tích lũy. Trong bối cảnh khác, khi cường độ logistics của Việt Nam vẫn ở mức cao, ước tính khoảng 16-20% GDP theo World Bank - những hạn chế mang tính cấu trúc nêu trên tiếp tục làm suy giảm hiệu quả kinh tế cũng như năng lực cạnh tranh của hàng hóa trong khuôn khổ quan hệ thương mại song phương Việt Nam - Liên bang Nga.

Thứ ba, thủ tục hành chính và hải quan. Mặc dù các cơ chế ưu đãi tại TOR và SPV đã được cải thiện, quy trình thông quan và kiểm dịch động thực vật tại Nga đôi khi vẫn là rào cản đối với hàng hóa Việt Nam, đặc biệt là nông sản.

Thứ tư, cạnh tranh chiến lược. Viễn Đông đang là điểm đến hấp dẫn của nhiều nhà đầu tư Châu Á, như Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản. Việt Nam sẽ phải cạnh tranh gay gắt để giành được những dự án đầu tư tốt nhất.

6. Hàm ý chính sách và giải pháp thúc đẩy hợp tác

Từ phân tích thực trạng và triển vọng, có thể rút ra một số hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy hợp tác Việt - Nga tại vùng Viễn Đông theo hướng bền vững và hiệu quả hơn.

Một là, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý - tài chính. Hai bên cần sớm thống nhất cơ chế thanh toán song phương hiệu quả, bao gồm cả việc sử dụng tiền kỹ thuật số như một giải pháp thay thế. Cần thiết lập các thỏa thuận công nhận lẫn nhau về tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa để giảm thiểu thủ tục kiểm tra, thông quan. Việc thực hiện các thỏa thuận về chứng nhận thú y đã mở đường cho xuất khẩu thịt lợn thành công, cần được nhân rộng sang các mặt hàng khác.

Hai là, tận dụng hiệu quả các cơ chế ưu đãi và khuôn khổ thương mại sẵn có. Cơ quan xúc tiến thương mại và

đầu tư của Việt Nam cần nghiên cứu kỹ lưỡng, hệ thống hóa và phổ biến rộng rãi đến cộng đồng doanh nghiệp các điều kiện ưu đãi đặc thù tại Khu ưu tiên phát triển (TOR) và Cảng tự do Vladivostok (SPV), bao gồm ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế bảo hiểm xã hội, hỗ trợ hạ tầng và đất đai. Đồng thời, cần đẩy mạnh khai thác lợi thế từ Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á Âu (VN-EAEU FTA) - khuôn khổ thể chế quan trọng giúp giảm thuế quan và tạo thuận lợi hóa thương mại. Việc kết hợp hài hòa giữa ưu đãi tại chỗ (TOR/SPV) và ưu đãi thuế quan từ FTA sẽ tạo ra lợi thế cạnh tranh kép cho doanh nghiệp Việt Nam khi đầu tư và kinh doanh tại Viễn Đông.

Ba là, đa dạng hóa và nâng tầm hợp tác. Bên cạnh các lĩnh vực truyền thống, cần đẩy mạnh hợp tác trong các lĩnh vực mới như khoa học - công nghệ (đặc biệt là nghiên cứu biển theo lộ trình 10 năm vừa ký), công nghệ thông tin, chuyển đổi số, xây dựng thành phố thông minh và an ninh mạng. Đây là những lĩnh vực có giá trị gia tăng cao và phù hợp với xu thế phát triển.

Bốn là, tăng cường kết nối doanh nghiệp. Các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm, kết nối các doanh nghiệp cần được tổ chức thường xuyên hơn, cả trực tiếp và trực tuyến.

Năm là, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư chiến lược. Các dự án đầu tư quy mô lớn như nhà máy sữa của TH True Milk tại Primorye cần được hỗ trợ đặc biệt, coi đó là hình mẫu để thu hút các doanh nghiệp khác. Những dự án thành công sẽ là minh chứng thuyết phục nhất cho tiềm năng hợp tác tại vùng Viễn Đông.

7. Kết luận

Chiến lược phát triển kinh tế vùng Viễn Đông gắn với chính sách "Hướng Đông" của Nga đã và đang mở ra một không gian hợp tác chiến lược và đầy hứa hẹn cho quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga. Với nền tảng chính trị vững chắc được củng cố qua các cuộc tiếp xúc cấp cao, sự hỗ trợ về kinh tế và quyết tâm từ cả hai phía, triển vọng hợp tác là rất lớn. Năm 2025-2026 cho thấy hợp tác song phương đang đi vào chiều sâu với những bước tiến cụ thể: thỏa thuận năng lượng mới tại EEF 2025, lộ trình hợp tác khoa học biển 10 năm, tăng trưởng thương mại ấn tượng trong lĩnh vực nông sản, và những cuộc đối thoại chính sách, kết nối doanh nghiệp thường xuyên. Hợp tác đang dần mở rộng từ các lĩnh vực truyền thống sang những lĩnh vực mới như công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Tuy nhiên, để biến tiềm năng thành hiện thực, hai bên cần nỗ lực vượt qua những rào cản về tài chính - thanh toán, logistics, thủ tục hành chính và khoảng cách thông tin. Sự thành công của hợp tác tại vùng Viễn Đông không chỉ đóng góp trực tiếp vào phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước, mà còn là minh chứng cho sức sống của mối quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện, hướng tới sự ổn định và thịnh vượng chung. Như tinh thần các cuộc tiếp xúc cấp cao gần đây đã khẳng định, hai bên đều có "quyết tâm thúc đẩy quan hệ hợp tác năng động" vì lợi ích của nhân dân hai nước và vì hòa bình, ổn định, phát triển ở khu vực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Richard Connolly, 'Russia's Economic Pivot to Asia in a Shifting Regional Environment', *Royal United Services Institute*, 2021. [Online]. Available: https://www.rusi.org/explore-our-research/publications/briefing-papers/russias-economic-pivot-asia-shifting-regional-environment?utm_source=chatgpt.com, [Accessed Feb. 25, 2026].
- [2] D. T. Sam, 'Vietnam-Russian Strategic Partnership: Theoretical and Practical Issues'. Social Sciences Publishing House, 2022.
- [3] Douglass North, 'Institutions, Institutional Change and Economic Performance', Cambridge University Press., 1990.
- [4] Abdella Mohammed Ahmed, '(PDF) Article Reviews' On the Theory of Comparative Advantage for Economic Efficiency of International Trade among World Countries: Evidence from Various Literature'. Accessed: Mar. 26, 2026. [Online]. Available: https://www.researchgate.net/publication/387300297_Article_Reviews_On_the_Theory_of_Comparative_Advantage_for_Economic_Efficiency_of_International_Trade_among_World_Countries_Evidence_from_Various_Literature [Accessed Feb. 26, 2026].
- [5] A. Tsygankov, *Russia's Foreign Policy: Change and Continuity in National Identity*. 2022. doi: 10.5040/9798216413196.
- [6] 'Eastern Economic Forum'. Accessed: Apr. 25, 2026. [Online]. Available: https://forumvostok.ru/?utm_referrer=https%3A%2F%2Fwww.google.com%2F [Accessed Feb. 25, 2026].
- [7] Online N. D., 'Vietnam and Kazakhstan are joining forces to create an economic and financial corridor.', *Nhan Dan Online*. Accessed: Apr. 25, 2026. [Online]. Available: <https://ru.nhandan.vn/v-etnam-i-kazakhstan-ob-edinjajut-usilija-dlja-sozdaniya-ekonomiko-finansovogo-koridora-post59502.html> [Accessed Feb. 25, 2026].
- [8] A. K. P.- AKP, 'Russia-Vietnam relations continue to be strengthened across multiple areas: Russian ambassador', <https://akp.gov.kh>. Accessed: Apr. 25, 2026. [Online]. Available: <https://akp.gov.kh/post/detail/361894> [Accessed Feb. 25, 2026].
- [9] V. D. Luoc, *Asia-Pacific Economy in the First 20 Years of the 21st Century: Opportunities and Challenges*. Tri Thuc Publishing House. Knowledge Publishing House, 2018.
- [10] PRIME, 'The Russian Ministry of Energy hopes that Zarubezhneft will begin new projects in Vietnam on January 1.', *МФК ИИБЕСТ*. Accessed: Apr. 25, 2026. [Online]. Available: <https://mfk-invest.ru/minenergo-rf-nadeetsya-cto-s-1-yanvarya-zarubezhneft-nachnet-novye-proekty-vo-vetname/> [Accessed Feb. 25, 2026].
- [11] Oil and Capital, 'Zarubezhneft is preparing to transfer a 35% stake in the Kharyaga PSA to PetroVietnam.', *nangs.org*. Accessed: Apr. 25, 2026. [Online]. Available: <https://nangs.org/news/upstream/zarubezhneft-gotovitsya-k-peredache-petrovietnam-35-v-kharyaginskom-srp> [Accessed Feb. 25, 2026].
- [12] H. Chi, 'Vietnam's Exports and Imports Expected to Reach the \$1 Trillion Mark', *Journal of Environmental Economics*. Accessed: Feb. 27, 2026. [Online]. Available: <https://baomoi.com/xuat-nhap-khau-viet-nam-sap-cham-nguong-1-000-ti-usd-c54556376.epi> [Accessed Feb. 25, 2026].
- [13] T. Ha and M. Phuong, 'Vietnam-Russia Cooperation: A Symbol of International Scientific and Educational Cooperation.' Accessed: Feb. 27, 2026. [Online]. Available: <https://vov.vn/the-gioi/hop-tac-viet-nga-bieu-tuong-cua-hop-tac-khoa-hoc-giao-duc-quoc-te-post1253474.vov> [Accessed Feb. 27, 2026].
- [14] 'The Far East Development Committee discussed investment opportunities in the Far East with a Vietnamese delegation.' Accessed: Feb. 27, 2026. [Online]. Available: <https://expertsibdv.com/news/krdv-obsudila-s-delegatsiey-vetnama-investitsionnye-vozmozhnosti-dalnego-vostoka/> [Accessed Feb. 27, 2026].
- [15] T. Dinh, 'TH Group officially commences operations of its fresh milk factory in the Russian Federation.' *nongnghiepmoitruong.vn* sed: Feb. 26, 2026. [Online]. Available: <https://nongnghiepmoitruong.vn/tap-doan-th-chinh-thuc-van-hanh-nha-may-sua-tuoi-tai-lien-bang-nga-d752723.html> [Accessed Feb. 25, 2026].
- [16] M. Ngoc, 'TH inaugurates large-scale dairy processing plant in Russia', *vnexpress.net*. Accessed: Mar. 26, 2026. [Online]. Available: <https://vnexpress.net/th-khanh-thanh-nha-may-che-bien-sua-quy-mo-lon-tai-nga-4884820.html> [Accessed Feb. 26, 2026].
- [17] T. Hung, 'Vietnam and the Russian Federation promote cooperation in areas of mutual maritime interest', *Nhan Dan Online Newspaper*. Accessed: Feb. 26, 2026. [Online]. Available: <https://nhandan.vn/viet-nam-va-lien-bang-nga-thuc-day-hop-tac-trong-cac-linh-vuc-ve-bien-cung-quan-tam-post908258.html> [Accessed Feb. 26, 2026].
- [18] V. An, 'Prime Minister Pham Minh Chinh receives leaders of Russian and Japanese corporations', *VnEconomy*. Accessed: Apr. 26, 2026. [Online]. Available: <https://vneconomy.vn/thu-tuong-pham-minh-chinh-tiep-lanh-dao-cac-tap-doan-cua-nga-va-nhat-ban.htm> [Accessed Feb. 26, 2026].
- [19] P. Kurenkov, M. Sirotkin, K. Pisarev, and M. Karyshev, 'Logistics between Russia and Vietnam: Weaknesses and methods to resolve them', *BRICS Transp.*, vol. 4, p. 5, May 2025, doi: 10.46684/2025.1.5.